TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36A/2025/HNGĐ-ST Ngày 14/4/2025 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Thụ;

- Ông Nguyễn Tiến Chỉnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngọ Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2025 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là* Trương Thị Đ *trình bày:*

Chị và anh Trần Văn H kết hôn ngày 13/12/2023 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L.

Sau khi cưới, chị và anh H về ở với nhau ngay. Sau một thời gian ngắn chung sống, chị thấy hai người không hợp nhau; trong cuộc sống 2 vợ chồng

lạnh nhạt, anh H thơ ơ, không quan tâm đến gia đình, nên chị và anh H sống ly thân từ tháng 4/2024; chị về nhà bố mẹ đẻ ở, không còn quan hệ vợ chồng nữa; hai bên gia đình đã hoà giải để chị và anh H về đoàn tụ, nhưng chị không đồng ý. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Toà án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh H không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Do chị và anh H ở với nhau một thời gian ngắn, nên tài sản để chị và anh H tự thoả thuận giải quyết.

* *Bị đơn anh* Trần Văn H *trình bày*: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày là đúng.

Sau khi cưới, anh và chị Đ về ở với nhau ngay, được khoảng 4-5 tháng, chị Đ không quan tâm đến anh, không có tình cảm vợ chồng, đến ngày 30/4/2024 thì chị Đ tự bỏ nhà đi. Chị Đ có đơn ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng còn, nên đề nghị Toà án cho được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Đ không có con chung, khồng đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Để anh và chị Đ tự thoả thuận giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều xin vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271 và Điều 273 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Đ; cho chị Trương Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về án phí: Chị Trương Thị Đ phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị Đ có đơn xin ly hôn chị anh Trần Văn H. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Đ và anh Trần Văn H kết hôn ngày 13/12/2023 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn về chung sống với nhau, chị Đ và anh H thấy cả 2 đều có những điểm không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, nên cuối tháng 4/2024 chị Đ và anh H đã sống ly thân; chị Đ về nhà bố mẹ ở, hai người không còn quan hệ vợ chồng nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị Đ và anh H về đoàn tụ. Tuy nhiên chị Đ cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; còn anh H vắng mặt và đồng ý ly hôn. Như vậy cả hai đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Trương Thị Đ được ly hôn anh Trần Văn H.

[5] Về con chung: Các đương sự không có con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Đ được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004550 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh